

## A. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

- Thuyết trình nêu vấn đề kết hợp hỏi – đáp;
- Phương pháp thí nghiệm;
- Phương pháp trực quan;
- Dạy học hợp tác;
- Dạy học khám phá;
- Kĩ thuật hỏi – đáp;
- Kĩ thuật động não.

## B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

### **Khởi động**

GV nêu tình huống khởi động như trong SGK.

### **Hình thành kiến thức mới**

#### **1. NGUYÊN SINH VẬT LÀ GÌ?**

##### **Hoạt động 1: Tìm hiểu hình dạng và đặc điểm cấu tạo của nguyên sinh vật**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn HS quan sát và nhận ra đặc điểm cấu tạo, sự đa dạng về hình dạng, môi trường sống của nguyên sinh vật.

**Tổ chức dạy học:** GV sử dụng phương pháp trò chơi, hướng dẫn HS chơi trò *Mảnh ghép hoàn hảo* để nhận diện được một số nguyên sinh vật và môi trường sống của chúng. Có thể kết hợp hình 27.1 trong SGK để HS mô tả được cấu tạo của nguyên sinh vật. Gợi ý, định hướng để HS thảo luận một số câu hỏi thảo luận trong SGK.

**1.** Quan sát hình 27.1, em có nhận xét gì về hình dạng của nguyên sinh vật.

Nguyên sinh vật không có hình dạng cố định, chúng có nhiều kiểu hình dạng khác nhau như: hình cầu, hình giày, hình thoi, ...

**2.** Dựa trên hình dạng của các nguyên sinh vật trong hình 27.1, em hãy xác định tên của các sinh vật quan sát được trong nước ao, hồ ở Bài 21.

Trùng roi, trùng giày, tảo.

**3.** Nguyên sinh vật thường sống ở những môi trường nào? Lấy ví dụ.

Đa số nguyên sinh vật sống trong môi trường nước: trùng giày, trùng biển hình, tảo lục, tảo silic; một số loài sống ký sinh trên sinh vật khác như trùng roi.

**4.** Nêu đặc điểm cấu tạo nguyên sinh vật bằng cách gọi tên các thành phần cấu tạo được đánh số từ (1) đến (4) trong hình 27.2. Từ đó, nhận xét về tổ chức cơ thể (đơn bào/ đa bào) của nguyên sinh vật.

(1) Màng tế bào, (2) Chất tế bào, (3) Nhân, (4) Lục lạp.

Đa số nguyên sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn bào.

### **Luyện tập**

\* Quan sát cấu tạo của một số đại diện nguyên sinh vật trong hình 27.2, em hãy cho biết những nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp? Giải thích.

– Tảo lục có khả năng tự tổng hợp chất hữu cơ vì tế bào chứa lục lạp.

**Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.**

## 2. BỆNH DO NGUYÊN SINH VẬT GÂY NÊN

### Hoạt động 2: Tìm hiểu về một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn để HS tìm hiểu về một số bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây nên.

**Tổ chức dạy học:** GV sử dụng phương pháp dạy trực quan kết hợp dạy học hợp tác theo nhóm nhỏ, yêu cầu HS tìm hiểu về bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Có thể tổ chức dạy học dự án về các bệnh phổ biến, biểu hiện, cách phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. Qua đó, thảo luận trả lời các câu hỏi trong SGK.

5. Quan sát hình 27.3, 27.4 và hoàn thành bảng theo mẫu sau:

Tên bệnh	Nguyên nhân	Biểu hiện
Bệnh sốt rét	Trùng sốt rét	Sốt cao, rét run, mệt mỏi, nôn mửa.
Bệnh kiết lị	Trùng kiết lị	Đau bụng, tiêu chảy, phân có lẫn máu, có thể sốt.

6. Quan sát hình 27.5, kết hợp với thông tin thực tế, em hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra.

Ngủ màn; chỉ sử dụng thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh; diệt ruồi, muỗi, côn trùng, bọ gậy; vệ sinh cá nhân sạch sẽ; vệ sinh môi trường sống và nơi công cộng; tuyên truyền trong cộng đồng ý thức vệ sinh môi trường; ...

### Luyện tập

\* Diệt ruồi, muỗi có phải là biện pháp duy nhất phòng chống bệnh sốt rét không? Vì sao?

– Ngoài diệt muỗi, khi ngủ phải mặc màn, giữ gìn môi trường sống sạch sẽ, ...

**Thông qua các nội dung thảo luận, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận theo gợi ý trong SGK.**

### Vận dụng

\* Tại sao chúng ta cần nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng?

– Nấu chín thức ăn, đun sôi nước uống, rửa sạch các loại thực phẩm trước khi sử dụng nhằm tiêu diệt các loại nguyên sinh vật và vi khuẩn gây bệnh.

## C. HƯỚNG DẪN GIẢI BÀI TẬP

1. Đáp án C.

2. (1) tế bào, (2) phân bố, (3) sinh vật, (4) Nguyên sinh, (5) nhân thực, (6) dị dưỡng, (7) đơn bào, (8) đa bào, (9) tự dưỡng.

3. Trùng kiết lị → thức ăn → cơ quan tiêu hoá ở cơ thể người và gây bệnh.



## NẤM (4 tiết)

### MỤC TIÊU

#### 1. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng nấm và vai trò của nấm; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm;
- Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của nấm men, nấm mốc, nấm rơm; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập; Xác định được sự tồn tại của cơ thể nấm đơn bào và cơ thể nấm đa bào trong tự nhiên;
- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được trong tự nhiên.

#### 2. Năng lực khoa học tự nhiên

- Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận biết được một số đại diện nấm trong tự nhiên thông qua hình ảnh, mẫu vật (nấm đầm, nấm túi, ...);
- Tìm hiểu tự nhiên: Xác định được nấm đơn bào, nấm đa bào; Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nấm;
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trồng nấm rơm.

#### 3. Phẩm chất

- Có niềm tin yêu khoa học;
- Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;
- Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học;
- Luôn cố gắng vươn lên trong học tập;
- Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên.

*Dựa vào mục tiêu của bài học và nội dung các hoạt động của SGK, GV lựa chọn phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp để tổ chức cho HS tham gia các hoạt động học tập một cách hiệu quả và tạo hứng thú cho HS trong quá trình tiếp nhận kiến thức, hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất liên quan đến bài học.*

## A. PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Dạy học theo nhóm;
- Dạy học nêu và giải quyết vấn đề;
- Phương pháp trò chơi;
- Kĩ thuật sử dụng phương tiện trực quan;
- Kĩ thuật sơ đồ tư duy.

## B. TỔ CHỨC DẠY HỌC

### **Khởi động**

Trong tự nhiên, có nhiều loại nấm ăn được có giá trị dinh dưỡng cao nhưng cũng có nhiều loại nấm độc, gây bệnh, làm hỏng thực phẩm. Vậy các loại nấm đó có đặc điểm gì khác nhau?

GV trình chiếu hình ảnh về một số loài nấm, hỏi HS cách phân biệt nấm ăn được và nấm độc. HS sẽ cảm thấy bối rối vì rất khó xác định được 2 loại nấm trên. Từ đó, GV định hướng: khi đi tìm hiểu ngoài thiên nhiên nếu gặp bất kì loại nấm nào cũng không được đưa về chế biến nếu không rõ loại nấm đó ăn được hay không. GV đặt vấn đề: Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm những đặc điểm đặc trưng để phân biệt các loại nấm, trong đó có nấm ăn được và nấm độc.

### **Hình thành kiến thức mới**

#### **1. ĐẶC ĐIỂM CỦA NẤM**

##### **Hoạt động 1: Thực hành quan sát một số loại nấm**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS quan sát nấm bằng mắt thường và bằng kính lúp, nhận biết cây nấm và nhận dạng được một số đại diện nấm phổ biến trong đời sống.

**Tổ chức dạy học:** GV tổ chức trò chơi *Những mảnh ghép hoàn hảo* nhằm giúp HS nhận dạng một số đại diện nấm trong tự nhiên.

Hướng dẫn HS làm bộ sưu tập ảnh về nấm và thảo luận các câu hỏi trong SGK.

**1. Gọi tên một số nấm thường gặp trong đời sống.**

Nấm rơm, nấm hương, nấm kim châm, nấm mộc nhĩ, nấm linh chi, ...

**2. Vẽ sơ nấm mốc và một số loại nấm lớn mà em quan sát được.**

Yêu cầu: vẽ mô phỏng được sơ nấm mốc và phác họa được nấm rơm, nấm hương.

##### **Hoạt động 2: Tìm hiểu sự đa dạng của nấm**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu các loại nấm trong tự nhiên để thấy được sự đa dạng của nấm; từ đó phân biệt nấm đầm và nấm túi; nấm đơn bào và nấm đa bào; nấm ăn được và nấm độc.

**Tổ chức dạy học:** GV tổ chức trò chơi *Đuổi hình bắt chữ* giúp HS hệ thống hóa sự có mặt của các dạng nấm trong tự nhiên và trong đời sống. Đồng thời, GV hướng dẫn

HS gọi đúng tên các loài nấm đã nhận biết trong phần thực hành.

GV chuẩn bị bộ ảnh về đa dạng nấm và hướng dẫn HS quan sát hình 28.1 của SGK, thảo luận nhóm, thực hiện các yêu cầu tiếp theo của SGK.

Quan sát hình 28.1, 28.2 và trả lời câu hỏi từ 3 đến 5.

**3. Hãy nhận xét về hình dạng của nấm.**

Hình dạng của nấm đa dạng: hình bầu dục, hình cốc, hình mũ, hình sợi, ...

**4. Em hãy phân biệt nấm túi và nấm đầm. Các loại nấm em quan sát ở hoạt động thực hành thuộc nhóm nấm đầm hay nấm túi?**

Có thể phân biệt nấm túi và nấm đầm dựa vào cơ quan sinh sản là bào tử. Nấm túi có túi bào tử, trong khi nấm đầm có đầm bào tử.

Trong phần thực hành, nấm đầm gồm có nấm hương, nấm rơm, nấm mộc nhĩ, nấm độc đỏ, nấm sò, ...; nấm túi gồm có nấm mốc, nấm cốc, nấm bụng dê, ...

**5. Hãy chỉ ra điểm khác biệt giữa cấu tạo cơ thể nấm độc và các loại nấm khác.**

Nấm thường được sử dụng làm thức ăn: nấm hương, nấm sò, nấm mộc nhĩ, nấm bụng dê.

Nấm không nên ăn: nấm mốc cà chua (có thể gây đau bụng hoặc ngộ độc khi ăn phải).

Nấm độc: nấm độc đỏ, nấm độc tán trắng.

Cấu tạo chung của nấm gồm có mũ nấm, cuống nấm và sợi nấm. Nấm độc thường có thêm một số bộ phận như vòng cuống nấm, bao gốc nấm và thường có màu sắc đặc sặc.

**6. Đặc điểm cấu tạo tế bào nấm men có gì khác với cấu tạo tế bào các loài nấm còn lại? Từ đó, em hãy phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào.**

Nấm men có cơ thể cấu tạo chỉ gồm 1 tế bào nên gọi là nấm đơn bào; các loài nấm còn lại trong hình 28.1 có hệ sợi nấm cấu tạo từ nhiều tế bào nên được gọi là nấm đa bào.

Nấm đơn bào chỉ có một tế bào. Nấm đa bào có hệ sợi nấm đa bào.

### Luyện tập

\* Em hãy xác định môi trường sống của một số nấm bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu.

Đáp án:

Tên nấm	Môi trường
Nấm rơm	Rơm rạ
Nấm mộc nhĩ	Thân cây gỗ mục, môi trường ẩm
Nấm mốc	Quần áo, tường ẩm, đồ dùng, trên cơ thể sinh vật, ...
Nấm cốc	Thân cây mục
Nấm độc tán trắng	Trong rừng những nơi môi trường ẩm

\* Kể tên một số loại nấm ăn được mà em biết.

Nấm rơm, nấm kim châm, nấm hương, nấm sò, nấm mộc nhĩ, ...

**Thông qua các nội dung thảo luận ở hoạt động 1, hoạt động 2 và phần luyện tập, GV gợi ý để HS rút ra kết luận về sự đa dạng của nấm thể hiện ở số loài và sự đa dạng các môi trường sống.**

Từ đó, HS nhận biết các tiêu chí để phân chia nấm thành các nhóm như nấm đầm và nấm túi; nấm đơn bào và nấm đa bào; nấm ăn được và nấm độc.

GV hướng dẫn HS đọc thêm để hiểu biết về nấm độc ở Việt Nam.

## 2. VAI TRÒ CỦA NẤM

### Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS tìm hiểu vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn, nhận biết các loại nấm có ích, nấm có hại; biết được hiện nay con người đã nghiên cứu và sản xuất ra một số chế phẩm sinh học từ nấm.

**Tổ chức dạy học:** GV tổ chức trò chơi *Những mảnh ghép hoàn hảo*. Trong bức tranh có xác sinh vật, HS dùng mảnh ghép đặt đúng vị trí của nấm trong tự nhiên.

GV giới thiệu hình 28.3, hình 28.4 trong SGK, hướng dẫn HS quan sát và liên hệ thực tế. GV có thể chuẩn bị ảnh về vai trò của nấm, tổ chức trò chơi nhận biết các loại nấm dùng làm thức ăn, làm thực phẩm chức năng, làm rượu, ... Sau đó, GV gợi ý và định hướng cho HS thảo luận các nội dung câu hỏi trong SGK.

**7. Quan sát hình 28.3, em hãy nêu vai trò của nấm trong tự nhiên.**

Nấm có vai trò phân huỷ xác sinh vật (thực vật, động vật), làm sạch môi trường.

**8. Từ thông tin gợi ý trong hình 28.4, em hãy nêu vai trò của nấm đối với đời sống con người.**

Nấm được sử dụng làm thức ăn: nấm rơm, nấm hương, nấm mộc nhĩ, ...

Nấm được sử dụng làm tách nhân lên men trong sản xuất rượu, bia, bánh mì, ...: nấm men.

Nấm được sử dụng làm thực phẩm chức năng bổ dưỡng cho cơ thể: nấm linh chi, nấm vân chi.

Nấm được sử dụng làm thuốc trừ sâu sinh học: một số loài nấm có khả năng ký sinh trên cơ thể sâu làm ngừng trệ các quá trình sống của sâu.

## Luyện tập

\* Hãy kể tên một số nấm có giá trị trong thực tiễn.

Nấm là thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao nên nhiều loài nấm được dùng làm thức ăn như nấm hương, nấm rơm, nấm bụng dê, nấm sò, nấm kim châm, ...

Trong sản xuất rượu, bia, nấm men tham gia vào quá trình lên men rượu, bia.

Trong làm bánh mì, nấm men nở tham gia quá trình ủ bột, làm cho bột hơi, xốp và nở to.

#### **Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bệnh do nấm gây ra**

**Nhiệm vụ:** GV hướng dẫn cho HS nhận biết một số bệnh do nấm gây ra ở người, nhận biết sự lây lan của bệnh và nêu một số biện pháp phòng, chống bệnh do nấm.

**Tổ chức dạy học:** GV chuẩn bị tranh ảnh về các loại bệnh do nấm cùng với nguồn ảnh từ thực tế, yêu cầu HS quan sát ảnh và hình 28.5 trong SGK, hướng dẫn HS thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu tiếp theo của SGK.

**9.** Quan sát hình 28.5, hãy kể tên một số bệnh do nấm gây ra. Các bệnh đó có biểu hiện như thế nào?

Tên bệnh do nấm	Biểu hiện
Bệnh nấm da tay	Trong lòng bàn tay có những mảng da đỏ, có vảy, ngứa, nhức.
Bệnh viêm phổi do nấm	Sốt cao, ho khan, đau tức ngực.
Bệnh nấm mốc cá	Da tróc vảy, xuất hiện mảng mốc trắng trên vảy tróc; cá bơi lội bất thường, thỉnh thoảng nhảy cao, búng lên khỏi mặt nước.
Bệnh mốc xám ở dây tây	Trên vỏ quả xuất hiện đám mốc trắng, sau chuyển dần thành màu xám; quả bị khô.

**10.** Từ thông tin gợi ý trong hình 28.6, nêu con đường lây truyền bệnh do nấm gây ra.

Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm. Con người tiếp xúc với đối tượng bị nhiễm nấm hoặc nơi đã có nấm mốc sẽ bị lây nhiễm. Một số con đường có thể làm lây truyền bệnh do nấm như:

- Tiếp xúc trực tiếp với đối tượng (như người hay vật nuôi) bị nhiễm nấm;
- Dùng chung đồ với người bị nhiễm nấm;
- Tiếp xúc với môi trường ô nhiễm; bụi, đất chứa nấm gây bệnh.

#### **Luyện tập**

\* Từ các con đường truyền bệnh do nấm gây ra, em hãy đề xuất một số biện pháp phòng chống các bệnh thường gặp do nấm.

Một số biện pháp phòng chống các bệnh thường gặp do nấm:

- Hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh, nguồn bệnh, đặc biệt nơi môi trường ẩm mốc;
- Bảo hộ an toàn khi tiếp xúc với người bị nhiễm nấm hoặc khử trùng sau khi tiếp xúc với môi trường không an toàn với nấm mốc;
- Không dùng chung đồ với người bị bệnh nấm, hoặc với người khác. Quần áo sau khi mặc cần được giặt ngay, tránh treo trên giá sau đó vài ngày đưa ra mặc lại;
- Vệ sinh cơ thể đúng cách, đúng thời điểm, an toàn;
- Vệ sinh môi trường sạch sẽ.